

THANH ĐIỆU VÀ VẤN ĐỀ CƠ TÀNG CHĂM TRONG THỔ NGŨ CAO LAO HẠ (BỐ TRẠCH, QUẢNG BÌNH)

NGUYỄN VĂN LỢI *

Mở đầu

Thôn Cao Lao Hạ nay thuộc xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, từ lâu đã được các nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khác nhau như sử học, dân tộc học, khảo cổ học, ngôn ngữ học quan tâm.

Trong lĩnh vực ngôn ngữ, một số tác giả nhận thấy ngôn ngữ của cư dân Cao Lao Hạ có nhiều hiện tượng đặc biệt, không thuần nhất trong hệ thống ngữ âm, nhất là trong hệ thống thanh điệu.

Trong báo cáo này, chúng tôi tiến hành khảo sát hệ thống thanh điệu Cao Lao Hạ, bắt đầu bằng việc miêu tả những đặc trưng ngữ âm – âm vị học trên bình diện đồng đại, sau đó phân tích các quá trình biến đổi lịch sử của hệ thanh, và từ đó, kết hợp với các tài liệu lịch sử, khảo cổ thử giải thích nguyên nhân của những hiện tượng khác biệt, bất thường đó.

1. Cao Lao Hạ và vấn đề vị trí thành Khu Túc xưa

Thành Khu Túc, tuy không phải là quốc đô, hay một trung tâm kinh tế, văn hoá lớn của Lâm Ấp, nhưng được nhắc đến khá sớm và thường xuyên trong các thư tịch cổ Trung Quốc ; và cũng nhờ đó, những người nghiên cứu cổ sử Việt Nam, lịch sử Cham Pa có thêm những hiểu biết về nhà nước Lâm Ấp.

H. Maspéro (1928) cho rằng dựa trên những ghi chép của các sử gia Trung Quốc, nhà nước Lâm Ấp được hình thành khá sớm. Theo Hậu Hán Thư, từ năm 192 sau Công Nguyên, người đứng đầu Lâm Ấp là Khu Liên (Zhu Lian) đã tuyên bố thành lập vương quốc và bắt đầu có quan hệ bang giao với người Hán. Các thế kỉ sau đó, quan quân các triều đại phong kiến Trung Hoa từ Hán, Đường, đến Tống đã nhiều lần tiến đánh Lâm Ấp.

* GS. TS, Viện Ngôn ngữ

Khu Túc (thường được phiên âm ra tiếng Anh *Qu su*) lần đầu tiên được nói đến trong sách “*Thủy Kinh chú*” của Lịch Đạo Nguyên (469 – 527 sau CN) đời Bắc Ngụy. Trong sách này, tác giả đã miêu tả khá chi tiết vị trí, cảnh quan thành Khu Túc. Thời kì này là triều đại thứ ba của Lâm Ấp do Phạm Dương Mại thành lập và cai trị. Phạm Dương Mại (là tên gọi do người Hán phiên âm (theo cách đọc Hán Việt) ; học giả Christie cho rằng tên gọi này bắt nguồn từ tên gọi Chăm là Yang Mah trong đó Yang có nghĩa Thần, Thánh, người đứng đầu, Mah “vàng” ; như vậy Phạm Dương Mại – Yang Mah – có nghĩa “Kim Thần”, “Vua (Hoàng đế) Vàng”. Lịch Đạo Nguyên cũng nhắc đến trận chiến đẫm máu giữa quan quân nhà Tống do Đoàn Hoà Chí chỉ huy và quân Lâm Ấp của Phạm Dương Mại vào năm 446 sau CN. Sau khi chiếm được Khu Túc, quân Tống đã triệt hạ thành, bắt dân chúng từ 15 tuổi trở làm nô lệ, buộc phải vào rừng khai thác vàng, bạc và các sản vật quý nộ cho chúng.

Khu Túc lần cuối cùng được nhắc đến trong sử sách Trung Quốc khi nói đến sự kiện tướng nhà Tùy là Lưu Phương đem quân đi đánh chiếm Lâm Ấp, năm 605 sau CN. Triều đại cuối cùng của Lâm Ấp do Rudravarman II cai trị kết thúc vào năm 758 sau CN.

Do bị hoang phế và dần đi vào quên lãng, thành Khu Túc hầu như không được nhắc đến trong các thư tịch cổ của Việt Nam. Do đó, câu hỏi thành Khu Túc nằm ở đâu, mấy thế kỉ qua luôn được các nhà khoa học thảo luận. Nhà sử học Trương Phong Khê (thời Nguyễn) cho rằng Khu Túc tức thành Minh Linh ở xã Đơn Duệ, tỉnh Quảng Trị ngày nay. Cụ Đặng Xuân Bảng đặt thành Khu Túc trên sông Nhật Lệ thuộc huyện Quảng Ninh, Quảng Bình. Học giả người Pháp L. Arousseau khẳng định Khu Túc chính là thành Lôi bên sông Hương, Huế.

Có lẽ linh mục Cadière là người đầu tiên phát hiện ra dấu tích một thành cổ của Chăm tục gọi là Thiêng Kê Hạ, hay Thành Lôi ở làng Cao Lao Hạ, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau này, một số nhà nghiên cứu nước ngoài trong đó có R. A. Stein, H. Parmentier, dựa trên ý kiến của Cadière, cho rằng Khu Túc phải nằm bên bờ nam sông Gianh, thuộc Cao Lao Hạ, nơi có dấu tích kiến trúc của một toà thành cổ mà người địa phương gọi là Thành Lôi.

Dựa trên những ghi chép trong thư tịch cổ Trung Quốc và ý kiến của một số nhà sử học, GS. Đào Duy Anh trong *Cổ sử Việt Nam* quả quyết rằng “di tích thành Khu Túc chính là di tích Thành Lôi ấy”.

Gần đây, Ngô Văn Doanh đã tiến hành khảo sát thực địa tại Cao Lao Hạ. Kết hợp những miêu tả trong thư tịch với khảo sát thực địa, tác giả khẳng định rằng, những dấu tích của một thành cổ khá lớn còn để lại ở Cao Lao Hạ, chính là thành Khu Túc xưa của người Lâm Ấp (Chăm).

2. Những đặc điểm ngữ âm – âm vị học hệ thống thanh điệu Cao Lao Hạ

M. Ferlus xem Cao Lao Hạ như một thổ ngữ đặc biệt, trong nhóm các thổ ngữ Bắc Trung Bộ, bao gồm Quảng Bình, Hà Tĩnh và Nam Nghệ An mà ông gọi là vùng phương ngữ không thuần nhất (hétérodoxes). Theo tác giả, gọi là phương ngữ không thuần nhất vì ở vùng phương ngữ này có những sự tương ứng về âm đầu với các phương ngữ khác tiếng Việt không theo quy luật chung (nói riêng, những tương ứng giữa các phụ âm mất lưỡi ở vùng phương ngữ này với các phụ âm xát v, d, g ở phương ngữ Bắc Bộ).

Hệ thống thanh điệu Cao Lao Hạ được M. Ferlus miêu tả như sau :

a1[44] ngang, cao a3 [445] cao, siết thanh hầu

a2[31] xuống, thấp a4 [115] thấp, siết thanh hầu

Theo tác giả, thanh 4 tương ứng với 3 thanh *hỏi, ngã, nặng* tiếng Việt.

Sự phát triển hệ thanh điệu Cao Lao Hạ được tác giả khái quát như sơ đồ sau :

a1	a3	a4	at7
a2	a4		at8

Về quá trình phát triển thanh điệu Cao Lao Hạ (Hạ Trạch), GS. Nguyễn Tài Căn cũng có quan điểm tương tự : tiếng Cao Lao Hạ có 4 thanh được trình bày như sơ đồ sau :

(1) Ngang	(3) Hỏi	(4) Sắc
(2) Huyền	(4) Ngã	(4) Nặng

Võ Xuân Trang trong công trình “*Phương ngữ Bình Trị Thiên*” cho rằng : trong thổ ngữ Cao Lao Hạ (được gọi là thổ ngữ Hạ Trạch, số 17 trong danh sách

các thổ ngữ tác giả khảo tả) cũng như thổ ngữ Hướng Hoá và Tuyên Hoá huyện Tuyên Hoá tỉnh Quảng Bình, chỉ có 4 thanh : *thanh ngang, thanh huyền, thanh sắc, thanh nặng* [33]. Theo cách miêu tả này, có thể xem thanh 1 có đường nét ngang (bằng), thanh 2 : xuống, thanh 3 : lên và thanh 4 : xuống, ngắn. Miêu tả này gần với miêu tả của M. Ferlus ở trên.

	M. Ferlus	Võ Xuân Trang
1	Ngang cao 44	Bằng (Ngang)
2	Xuống thấp 31	Xuống (huyền)
3	Cao siết thanh hầu 445✕	Lên (Sắc)
4	Thấp siết thanh hầu 115✕	Xuống, ngắn (Nặng)

Nhìn chung, hầu hết những miêu tả trên dựa trên cảm thụ thính giác, không chỉ ra chính xác những đặc điểm ngữ âm các thanh điệu của thổ ngữ này.

3. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Những miêu tả hệ thống thanh điệu Cao Lao Hạ dưới đây dựa vào tư liệu là băng ghi âm gần 1000 từ cơ bản theo bảng từ điều tra ngữ âm các thổ ngữ, phương ngữ tiếng Việt trong chương trình điều tra các ngôn ngữ ở Việt Nam. Các phát ngôn là những từ tách rời, được người phát âm (NPÂ) đọc 3 lần¹. Sau đó các phát ngôn được xử lí số hoá bằng chương trình SA (Speech Analyzer). Việc phân tích tư liệu đã được số hoá dựa vào các chương trình ASAP, PRAAT và CECIL. Các chương trình này cho chúng ta các thông số âm học liên quan đến cao độ và chất giọng như dạng sóng âm, thanh cơ bản (F₀), cường độ, trường độ, thanh phổ, phổ đồ, ...

Để miêu tả đặc điểm về cao độ, chúng tôi sử dụng thang Logarith (tính bằng Semitone) và thang 5 bậc của Triệu Nguyên Nhiệm, trong đó bậc cao nhất ghi bằng 5, bậc hơi cao ghi bằng 4, bậc trung bình ghi bằng 3, bậc hơi thấp ghi bằng 2 và bậc thấp nhất ghi bằng 1.

4. Kết quả nghiên cứu : hệ thống thanh điệu Cao Lao Hạ

4.1. Tiêu chí cao độ (Pitch)

¹ Người phát âm là Ông Lưu Bá P. 71 tuổi, người làng Cao Lao Hạ. Băng ghi âm do Hà Quang Năng, Trần Đình Vĩnh ghi bằng máy ghi âm Sony Walkman băng từ tính (analog) UHD.

Trên cơ sở phân tích các tư liệu, chúng ta nhận thấy trong thổ ngữ Cao Lao Hạ có các thanh với những đặc điểm về cao độ như sau :

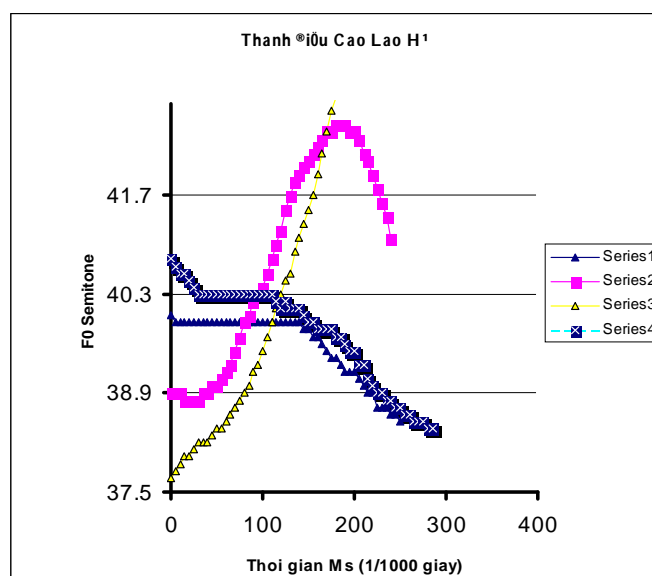
Thanh thứ nhất thanh lên : xuất phát hơi cao (2), đi lên đến bậc cao nhất (5), sau đó lại đi xuống, kết thúc hơi cao (4), kí hiệu [254].

Thanh thứ hai thanh xuống : xuất phát trung bình (3), đi ngang một đoạn sau đó đi xuống, kết thúc ở bậc hơi thấp (2), kí hiệu [32].

Thanh 3 thanh lên : xuất phát thấp (1), đi lên, kết thúc ở bậc cao nhất (5), kí hiệu [15].

Thanh 4 thanh xuống : xuất phát trung bình (3), đi xuống, kết thúc ở bậc thấp nhất (1), kí hiệu [31].

Dưới đây là đồ thị diễn tiến cao độ – trục dọc (tung) – tính bằng semitone và phân thành 5 bậc, trong thời phát âm âm tiết – trục ngang (hoành) – tính bằng milisecond (1/1000 giây).



Đặc trưng F_0 các thanh tiếng Cao Lao Hạ

Nhìn vào đồ thị các thanh Cao Lao Hạ chúng ta nhận thấy rằng sự đối lập các thanh chủ yếu theo tiêu chí về đường nét : các thanh lên (thanh 1, 3) đối lập với thanh xuống (thanh 2, 4). Xét về mặt loại hình thanh điệu, đây là hệ thanh tuyến điệu (contour tone) điển hình.

Tuy nhiên, nếu chúng ta xem xét hệ thanh này theo cách miêu tả truyền thống với việc phân biệt 2 loạt thanh : thanh cao (phù) và thanh thấp (trầm), vốn liên quan đến quá trình vô thanh hoá phụ âm đầu hữu thanh, thì trong hệ thanh Cao Lao Hạ, như chúng ta thấy trên sơ đồ, thanh cao là các thanh có đường nét lên (thanh 1, 3), thanh thấp là các thanh xuống. Các thanh cao ở nửa cuối âm tiết – phần mang giá trị âm vị học – được hiện thực hóa ở vùng âm vực cao (trên thang cao độ, nằm từ bậc trung bình (3) đến bậc cao nhất (5), còn các thanh loạt thấp (trầm) là các thanh xuống (thanh 2, 4), được hiện thực hoá ở vùng âm vực thấp từ bậc trung bình đến thấp nhất.

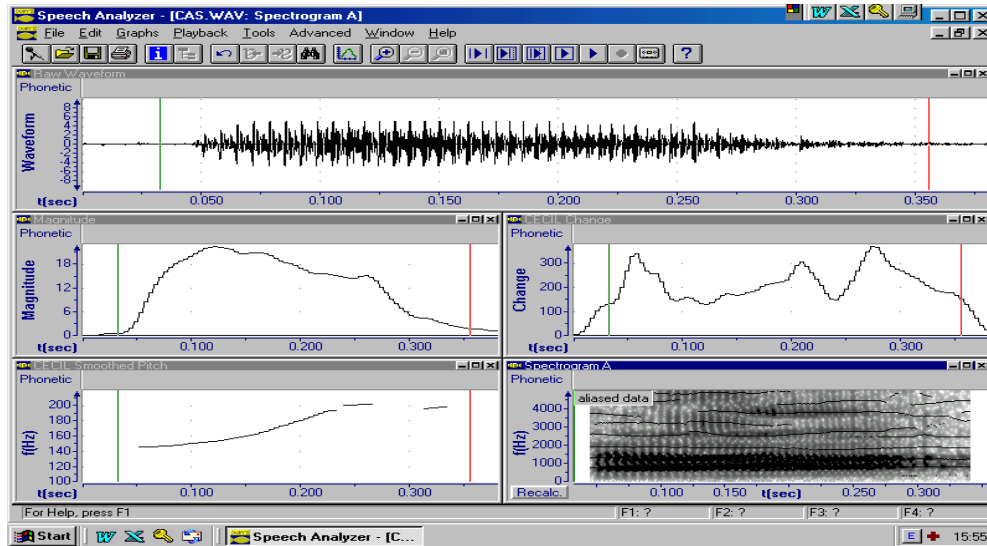
4.2. Tiêu chí về chất giọng (Voice Quality)

Dựa trên những kết quả phân tích bằng computer các đặc trưng âm học như dạng sóng âm (waveform), thanh phổ (spectrogram), chất thanh (voice quality), cường độ, ... có thể miêu tả những đặc trưng về chất thanh của các thanh điệu thổ ngữ Cao Lao Hạ như sau :

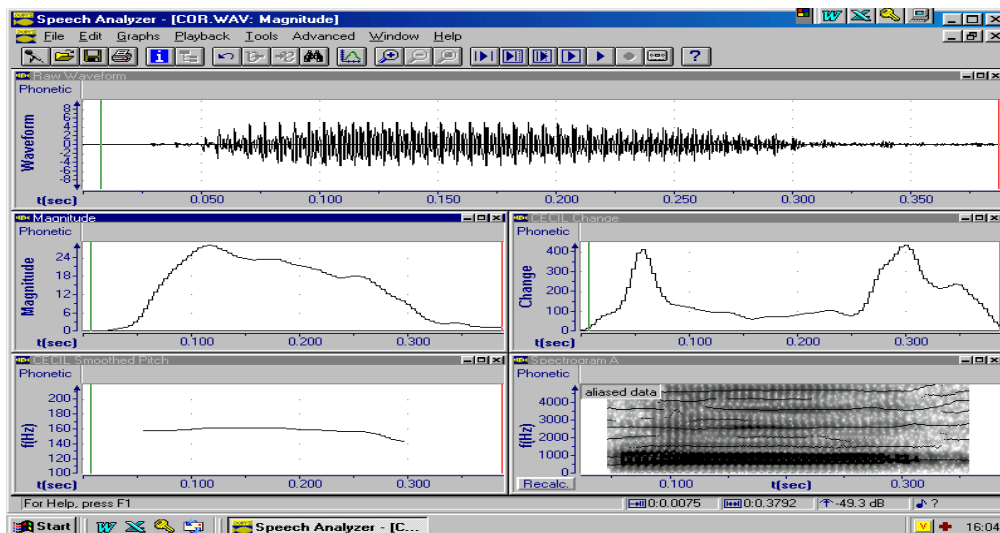
Thanh 1 và thanh 2 có chất thanh thường (modal voice), thanh 3 có chất thanh thanh quản hoá và thanh 4 có chất thanh tắc thanh môn.

Thanh quản hoá, hay hiện tượng kẹt thanh (creaky voice) được hiểu là động tác khép một phần thanh môn do sụn phễu đóng lại ; thanh quản hoá có những đặc trưng riêng thể hiện trên dạng sóng âm, thanh phổ, ...

Ở thanh 3 Cao Lao Hạ, khi phát âm gần cuối âm tiết bắt đầu xảy ra tượng thanh quản hoá. Dưới đây là sơ đồ dạng sóng âm, cường độ, F_0 , sự thay đổi chất âm và thanh phổ của từ *cá* [ka15].



Dạng sóng âm, cường độ, F_0 , sự thay đổi chất âm và thanh phổ từ [ka254] “cá”



Dạng sóng âm, cường độ, F_0 , sự thay đổi chất âm và thanh phổ từ [kʰ 31 ✱] “cỏ”

Các âm tiết với thanh 4, luôn được kết thúc bằng động tác khép chặt thanh môn. Trên đây là sơ đồ dạng sóng âm, cường độ, sự thay đổi chất âm, thanh phổ từ cỏ [kʰ 31 ✱].

Việc phân biệt giữa hiện tượng thanh quản hoá và tắc thanh môn thật ra chỉ là sự phân biệt chi tiết về mặt ngữ âm ; về âm vị học, có thể xem cả hai kiểu tạo thanh này có đặc trưng chung là động tác đóng thanh môn, kí hiệu chung /~~ʔ~~/.

Trên đây là những thuộc tính ngữ âm học (cao độ và chất giọng) của các thanh Cao Lao Hạ. Về mặt âm vị học, chúng ta có thể miêu tả hệ thanh Cao Lao Hạ theo 2 giải pháp :

Theo giải pháp 1, hệ thanh này gồm 4 thanh vị, khu biệt theo các tiêu chí về cao độ và chất thanh, được nhận diện như sau :

	Cao độ	Chất thanh
Thanh 1	Cao, lên	Thường
Thanh 2	Thấp, xuống	Thường
Thanh 3	Cao, lên	Đóng thanh môn
Thanh 4	Thấp, xuống	Đóng thanh môn

Nếu chấp nhận giải pháp thứ 2, thì có thể xem tiêu chí đóng thanh môn như một yếu tố chiết đoạn kết thúc âm tiết, tương tự như các âm cuối tắc vô thanh /-p, -t, -k/ ; theo giải pháp này, hệ thanh Cao Lao Hạ chỉ gồm 2 thanh, đối lập nhau theo tiêu chí cao độ : thanh cao (lên) vs. thanh thấp (xuống). Hai thanh vị và các biến thể của chúng được chỉ ra trong sơ đồ dưới đây :

Thanh 1 (Cao)	[254]	[15]
Thanh 2 (Thấp)	[31]	[42]

Có thể rút ra một số nhận xét từ kết quả phân tích những đặc điểm ngữ âm và âm vị học hệ thống thanh điệu Cao Lao Hạ :

1) Trên bình diện đồng đại, hệ thanh Cao Lao Hạ chỉ gồm 4 thanh vị (giải pháp 1), hoặc chỉ có 2 thanh vị (giải pháp 2). Đây là điểm khác biệt so với hệ thanh điệu tiếng Việt phương ngữ Bắc Bộ (6 thanh vị), cũng như so với hệ thanh điệu phương ngữ Bắc Trung Bộ (5 thanh vị).

2) Nếu theo giải pháp 1 (gồm 4 thanh), thì hệ thanh này là hệ thanh đường nét (contour tone) điển hình. Sự đối lập giữa các thanh chủ yếu theo tiêu chí đường nét : thanh lên vs. thanh xuống.

3) Nếu chấp nhận giải pháp 2 (gồm 2 thanh), thì hệ thanh này mang tính chất hệ thanh có đối lập về âm vực : thanh cao (lên) vs. thanh thấp (xuống).

4.3. Về quá trình hình thành và phát triển hệ thanh điệu Cao Lao Hạ

Theo lí thuyết mang tính kinh điển của André G. Haudricour về quá trình hình thành thanh điệu, thì việc hình thành các tiêu chí về cao độ (pitch – đường nét và âm vực) của âm tiết chính là kết quả của hiệu ứng đồng cấu âm (coarticulatory effect) của các thuộc tính ngữ âm của âm đầu và âm cuối.

Sự hình thành và phát triển hệ thống thanh điệu tiếng Việt là kết quả của 2 quá trình :

1) Quá trình mất các âm cuối /-~~ʔ~~, -h/ dẫn đến sự đối lập 3 kiểu đường nét thanh điệu.

2) Quá trình vô thanh hoá phụ âm đầu, tạo nên sự đối lập về âm vực : loạt thanh cao vs. loạt thanh thấp.

Hệ thống thanh điệu tiếng Việt Bắc Bộ (6 thanh) thể hiện rõ nhất kết quả của 2 quá trình trên.

Kết thúc ÂT Mở đầu ÂT	Kết thúc vang	Kết thúc * ʔ	Kết thúc *-h
*p, *t, *c, *k	Thanh Ngang	Thanh Sắc	Thanh Hỏi
*b, *d, * g , *g	Thanh Huyền	Thanh Nặng	Thanh Ngã

Chúng ta hãy xem xét 2 quá trình trên trong tiếng Cao Lao Hạ.

Trong tiếng Cao Lao Hạ hiện nay, không tồn tại phụ âm xát thanh hầu /-h/. Các âm tiết có phụ âm cuối xát thanh hầu /*-h/ ở Proto Việt – Mường, trong Cao Lao Hạ hiện nay, có thanh 4 tức là thanh có kết thúc đóng thanh môn (giải pháp 1) hoặc có âm cuối tắc thanh môn (giải pháp 2).

Âm tiết có phụ âm cuối Proto – Việt Mường /*~~ʔ~~/, trong Cao Lao Hạ hoặc có thanh 3, hoặc có thanh 4 tức là thanh có chất giọng đóng thanh môn (giải pháp 1), hay có phụ âm cuối tắc thanh môn (giải pháp 2). Như vậy, theo giải pháp 1, trong Cao Lao Hạ, âm cuối /-~~ʔ~~/ đã chuyển thành tiêu chí của thanh điệu ; còn theo giải pháp 2, trong thổ ngữ này, âm cuối /-~~ʔ~~/ vẫn còn tồn tại.

Tương ứng với các âm tiết có phụ âm đầu Proto Việt – Mường là phụ âm tắc vô thanh *p, *t, *c, *k, là âm tiết có thanh cao (thanh 1, thanh 3) trong Cao Lao Hạ.

Còn tương ứng với âm tiết có âm đầu là phụ âm tắc hữu thanh *b, *d, * \bar{k} , *g trong Cao Lao Hạ, có thanh thấp (thanh 2, thanh 4).

Như vậy, ở thổ ngữ này đã xảy ra quá trình vô thanh hoá, dẫn đến sự nhân đôi thanh điệu : $2 \times 2 = 4$ (giải pháp 1) ; hoặc $2 \times 1 = 2$, tạo sự đối lập : thanh loạt cao vs. thanh loạt thấp (theo giải pháp 2).

Bảng dưới đây chỉ ra quá trình hình thành các thanh trong Cao Lao Hạ. Đặc trưng ngữ âm của các thanh vị hiện nay ghi trong dấu ngoặc [].

Kết thúc ÂT Mở đầu ÂT	Vang : *0, *m, *n, * \bar{h}	Tắc thanh hữu- * \bar{h}	Xát thanh hữu *-h
*p, *t, *c, *k	Lên [254]	Lên + \bar{h} [15 \bar{h}]	Xuống [41 \bar{h}]
*b, *d, * \bar{k} , *g	Xuống [32]	Xuống [41 \bar{h}]	

Có thể nhận thấy một số điểm khác biệt giữa thổ ngữ Cao Lao Hạ và phương ngữ Bắc Bộ trong việc hình thành và phát triển hệ thanh điệu :

1) Trước hết, trong thổ ngữ này có quá trình nhập một phụ âm cuối tắc và xát thanh hữu -h > - \bar{h} .

2) Quá trình vô thanh hoá xảy ra sau quá trình (1) nói trên (mất sự đối lập tắc – xát thanh hữu).

3) Quá trình vô thanh hoá xảy ra khi âm cuối tắc thanh môn còn hiện diện : hoặc như tiêu chí của nguyên âm, hoặc như âm cuối.

4) Như vậy, *thực chất của quá trình hình thành thanh điệu ở Cao Lao Hạ là quá trình hình thành đối lập về âm vực.*

Những đặc điểm đồng đại và lịch đại hệ thanh điệu Cao Lao Hạ khác biệt so với hệ thanh điệu tiếng Việt (Bắc Bộ), nhưng lại có nhiều nét tương đồng, trong sự so sánh với một số ngôn ngữ nhóm Chăm nói chung và tiếng Chăm Ninh Bình Thuận nói riêng.

5. Vấn đề thanh điệu trong tiếng Chăm

Nhóm ngôn ngữ Chăm (Chamic group) bao gồm các ngôn ngữ như Chăm (Chăm Đông, Chăm Tây ở Nam Bộ và Campuchia, Chăm Hroi), Roglai, Ê Đê, Gia Rai, Churu, và tiếng Tbat (Hồi Hồi) ở Hải Nam, Trung Quốc, ... Các ngôn

ngữ này bắt nguồn từ Proto Cham (cách đây khoảng 2000 năm), đã trải qua các quá trình biến đổi theo xu thế đơn tiết hoá và xuất hiện thanh điệu. Sự biểu hiện của 2 quá trình trên ở từng ngôn ngữ, thậm chí từng phương ngữ cũng khác nhau ; kết quả là, mỗi ngôn ngữ (thậm chí từng phương ngữ trong một ngôn ngữ) có hệ thống ngữ âm – âm vị khác nhau. Trong các ngôn ngữ như Ê Đê, Gia Rai, hầu như chưa có sự biến đổi đáng kể. Cũng như vậy, chúng ta ít thấy những biến đổi lớn trong phương ngữ Raglai Bắc, trong khi đó ở phương ngữ Raglai Nam, có thể thấy quá trình tái cấu trúc hệ thống âm đầu và nguyên âm. Trong ngôn ngữ Tsal, kết quả của quá trình đơn tiết hoá và vô thanh hoá âm đầu, một hệ thống thanh điệu phức tạp (5 thanh) đã hình thành và phát triển. Trong tiếng Chăm Tây (ở Campuchia và một số vùng đồng bằng Nam Bộ), tiếng Chăm Hroi ở Bình Định lại xuất hiện đối lập về âm vực.

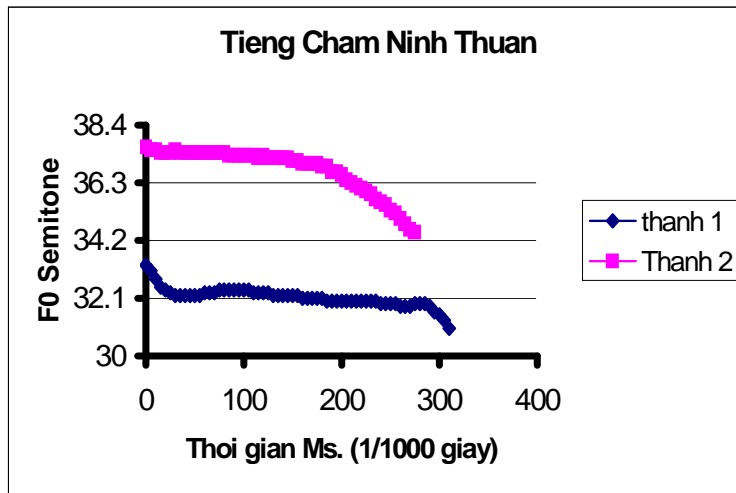
Tiếng Chăm Đông (ở Ninh Thuận, Bình Thuận) cũng như các ngôn ngữ khác ở khu vực nói chung và các ngôn ngữ nhóm Chăm nói riêng, đã trải qua các quá trình biến đổi, trong đó có quá trình hình thành và phát triển hệ thanh điệu. Nhiều tác giả trong và ngoài nước đã bàn đến và đưa ra những quan niệm khác nhau về cái gọi là “thanh điệu” trong ngôn ngữ này. Một số người cho rằng trong tiếng Chăm Đông đã xuất hiện hệ thống thanh điệu phức tạp gồm 4 thanh ; một số khác khẳng định ở ngôn ngữ này, cũng như ở Chăm Tây, Chăm Hroi, hay Raglai Nam mới chỉ hình thành đối lập 2 âm vực.

Sự khác nhau giữa các tác giả chủ yếu ở cách miêu tả và đánh giá các đặc điểm ngữ âm, âm vị học trên bình diện đồng đại và lịch đại, liên quan đến hiện tượng vô thanh hoá phụ âm đầu và các âm cuối thanh hầu.

5.1. Quá trình vô thanh hoá phụ âm đầu tắc, hữu thanh, thở (breathy voiced stop) trong tiếng Chăm

Tất cả các tác giả đều thừa nhận rằng trong tiếng Chăm, đã xảy ra quá trình vô thanh hoá các phụ âm đầu tắc hữu thanh thở, dẫn đến sự đối lập 2 loại âm vực trong ngôn ngữ này. Âm tiết vốn có âm đầu tắc vô thanh $*p$, $*t$, $*c$, $*k$, được phát âm ở âm vực thứ nhất : chất giọng bình thường, nguyên âm mở hơn, F_0 cao hơn ; còn âm tiết vốn có phụ âm đầu tắc hữu thanh, thở $*b^h$, $*d^h$, $*j^h$, $*g^h$, được phát âm với âm vực thứ 2 : nguyên âm hẹp hơn, hoặc nguyên âm đôi hoá, F_0 thấp hơn, chất giọng thở. Dưới đây là sơ đồ F_0 của âm tiết có âm vực thứ nhất [ata1]

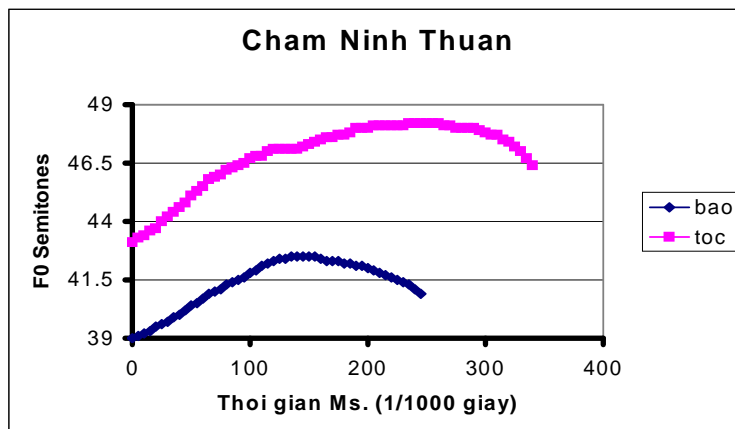
“con vệt” và âm tiết có âm vực thứ hai [ata2] < /*ad̩ a/ “con vịt” trong tiếng Chăm.



$F_0(1)$ [ata1] “con vệt” vs. F_0 [ata2] < /*ad̩ a/ “con vịt”

5.2. Về các phụ âm cuối thanh hầu

Một số tác giả xem trong tiếng Chăm hiện nay, các âm cuối /-ʔ, -h/ đã mất, trở thành tiêu chí của thanh điệu. Dựa trên kết quả phân tích bằng máy tính, chúng tôi cho rằng trong tiếng Chăm Ninh Thuận Bình Thuận, xét cả về mặt ngữ âm và âm vị học, vẫn tồn tại như các phụ âm cuối tắc và xát thanh hầu. Tuy thanh cơ bản (F_0) ở âm tiết có phụ âm cuối /-ʔ, -h/ có thể có đường nét đặc trưng (biến thể) riêng, nhưng đặc trưng này không có giá trị âm vị học; xét về mặt âm vị học, tiêu chí khu biệt nổi trội (dominant) vẫn theo tiêu chí âm vực: âm vực thứ nhất (chất giọng sáng, F_0 cao, âm vực thứ hai (chất giọng thở, nguyên âm hẹp, F_0 thấp). Dưới đây là đồ thị F_0 của từ (1) /puʔ/ < Proto Chăm /*b̩ uʔ/ “bão” so sánh với (2) /b̩ uʔ/ “tóc”. F_0 của (1) và (2) đều có đường nét lên, sự khác nhau chủ yếu ở âm vực: F_0 ở (1) trong vùng âm vực cao từ 44 St. đến 49 St.; còn ở (2), F_0 nằm ở vùng âm vực thấp từ 30 St. đến 42 St.



F_0 từ (1) $[p\text{ } \overline{R} u \text{ } \times]$ < $b\text{ } \overline{R} u \text{ } \times/$ “bảo” vs. (2) F_0 từ $[\text{ } \overline{R} u \text{ } \times]$ “tóc”

Về quá trình vô thanh hoá phụ âm đầu và những đặc điểm liên quan đến cái gọi là “thanh điệu” trong tiếng Chăm hiện nay, có thể tổng kết trong bảng sau :

Kết thúc ÂT	Vang	Tắc vô thanh và sát thanh hầu /p, t, k, \times , h/
Mở đầu ÂT		
*p, *t, *c, *k	Âm vực 1 (F_0 cao, biến thể 1)	Âm vực 1 (F_0 cao, biến thể 3)
*b, *d, *j, *g	Âm vực thấp (F_0 cao, biến thể 2)	Âm vực 2 (F_0 thấp, biến thể 4)

Tình trạng trên cũng dẫn đến 2 khả năng trong giải thuyết âm vị học thanh điệu tiếng Chăm. Nếu coi /- \times , -h/ không còn là phụ âm cuối mà là yếu tố của thanh điệu, thì như GS. Hoàng Thị Châu và một số tác giả khác chủ trương, trong ngôn ngữ này có 4 thanh điệu (các biến thể 1, 2 3, 4) [8]. Một cách quan niệm khác, như một số tác giả chủ trương, trong tiếng Chăm hiện nay, / \times , -h/ có chức năng kết thúc âm tiết – những phụ âm cuối, nên ở ngôn ngữ này chỉ có đối lập 2 kiểu chất giọng (âm vực), với các biến thể F_0 khác nhau, tùy thuộc vào cách kết thúc âm tiết. Theo cách giải thích này, tiếng Chăm không có thanh điệu, mà chỉ có đối lập về âm vực, như Aymonier, Cabaton, Moussay chủ trương ; hay chỉ có 2 thanh điệu, theo quan niệm của Blood, Bùi Khánh Thế.

Như vậy, tương tự như tình hình ở thổ ngữ Cao Lao Hạ, chúng ta lại gặp tình trạng “lưỡng khả” trong giải thuyết âm vị học hệ thống thanh điệu ở tiếng Chăm.

Rõ ràng là ở Cao Lao Hạ và Chăm Ninh Thuận Bình Thuận có nhiều nét tương đồng trong những vấn đề liên quan đến thanh điệu cả ở trạng thái đồng đại và cả trong các quá trình biến đổi lịch sử. Những nét tương đồng đó là :

1) Về mặt đồng đại : những đặc điểm ngữ âm ở Chăm và Cao Lao Hạ khá tương đồng, cho phép chấp nhận tính “lưỡng khả” trong giải thuyết âm vi học thanh điệu trong cả hai : giải pháp 2 thanh hoặc giải pháp 4 thanh.

2) Về lịch đại : tiếng Chăm và Cao Lao Hạ có nhiều nét tương đồng trong một số quá trình biến đổi liên quan đến sự hình thành thanh điệu. Khác với tiếng Việt Bắc Bộ, ở đó có quá trình vô thanh hoá phụ âm đầu xảy ra khi đã hình thành 3 kiểu đối lập về đường nét và dẫn đến hiện tượng nhân đôi thanh điệu, trong Cao Lao Hạ và Chăm, quá trình vô thanh hoá xảy ra khi còn các phụ âm cuối thanh hầu : âm cuối - \times và -h trong tiếng Chăm, và hiện tượng đóng thanh môn trong tiếng Cao Lao Hạ. Trong tiếng Cao Lao Hạ, sự hoà lẫn phụ âm cuối sát -h với phụ âm tắc - \times , đã xảy ra trước quá trình vô thanh hoá phụ âm đầu. Do đó, ở Chăm và phần nào ở Cao Lao Hạ, hiện tượng vô thanh hoá âm đầu không dẫn đến nhân đôi thanh điệu mà dẫn đến sự xuất hiện đối lập về âm vực : sự thay đổi phẩm chất nguyên âm + sự khu biệt chất thanh thờ/thường + sự đối lập cao/ thấp của thanh cơ bản (F₀) trong tiếng Chăm ; sự đối lập cao (lên)/thấp (xuống) của F₀ trong thổ ngữ Cao Lao Hạ.

Những nét tương đồng giữa Cao Lao Hạ với Chăm lại chính là nét khác biệt giữa Cao Lao Hạ và tiếng Việt Bắc Bộ.

Đồng thời giữa Cao Lao Hạ và Chăm Ninh Thuận Bình Thuận có một số nét khác biệt.

1) Về mặt đồng đại : dù theo giải pháp 2 thanh hay 4 thanh, tiếng Chăm vẫn là ngôn ngữ âm vực (Register language) với tiêu chí nổi trội không thuộc về cao độ của F₀ ; còn Cao Lao Hạ cũng như các thổ ngữ, phương ngữ khác của tiếng Việt, thuộc về ngôn ngữ thanh điệu với tiêu chí khu biệt nổi trội thuộc về cao độ (đường nét) F₀. Trong tiếng Cao Lao Hạ cũng như các thổ ngữ, phương ngữ khác của tiếng Việt, hiện tượng đóng thanh môn có xu hướng thuộc về là tiêu chí của thanh điệu hơn là một phụ âm cuối như trong tiếng Chăm.

2. Về mặt lịch đại : trong tiếng Cao Lao Hạ đã xảy ra quá trình hoà lẫn phụ âm tắc và sát thanh hầu cuối âm tiết, còn ở tiếng Chăm vẫn duy trì sự đối lập này.

Như vậy, những nét khác biệt giữa Cao Lao Hạ với Chăm lại là nét tương đồng giữa Cao Lao Hạ và các phương ngữ khác tiếng Việt.

6. Kết luận

6.1. Khảo sát hệ thống thanh điệu thổ ngữ Cao Lao Hạ, trên bình diện đồng đại cũng như lịch đại, chỉ ra rằng : trong thổ ngữ Cao Lao Hạ vừa có những đặc điểm tương đồng, vừa có những nét khác biệt so với các thổ ngữ, phương ngữ tiếng Việt ở một phía và so với tiếng Chăm, ở một phía khác. Điều đó cho phép chúng ta đi đến nhận định rằng : trong tiến trình phát triển lịch sử của thổ ngữ này, có lẽ đã có sự tiếp xúc giữa cư dân nói ngôn ngữ Proto Việt – Mường và cư dân nói ngôn ngữ Proto Chăm. Những nét tương đồng giữa Cao Lao Hạ và Chăm trong sự khác biệt với tiếng Việt, chỉ ra rằng phải chăng trong thổ ngữ này có một cơ tầng Chăm. Cơ tầng được hiểu là những biến đổi về cấu trúc hay các dạng thức do sự ảnh hưởng của ngôn ngữ gốc. Những ví dụ kinh điển về cơ tầng mà các nhà khoa học thường nói đến là trường hợp cơ tầng Celtic trong tiếng Latinh vùng Gaule, hay cơ tầng Choang – Tai trong tiếng Hán vùng Quảng Đông, Quảng Tây (phương ngôn Việt). Trong trường hợp tiếng Cao Lao Hạ, có thể giả định rằng hệ thanh điệu ở thổ ngữ này đã được hình thành và phát triển trên cơ sở cơ tầng – hệ thống ngữ âm Proto Chăm. Những biến đổi, những khác thường trong hệ thanh điệu Cao Lao Hạ là kết quả của sự ảnh hưởng từ tiếng Proto Chăm của cư dân thành Khu Túc thời kì nhà nước Lâm Ấp, mà dấu tích còn để lại là Thành Lôi tại địa phương này hiện nay.

2) Người ta thường so sánh vai trò của các cứ liệu ngôn ngữ với những cứ liệu khảo cổ trong nghiên cứu cổ sử. Thành Khu Túc lần cuối cùng được nhắc đến trong các tài liệu lịch sử Trung Quốc là sự kiện tướng Lưu Phương (nhà Tùy) đem quân đi đánh Khu Túc năm 605 sau CN. Như vậy, sau mười bốn thế kỉ, địa danh Khu Túc không còn được nhắc đến trong chính sử, nhưng ngày nay về khảo cổ có thể tìm thấy dấu tích của toà thành này ở Thành Lôi thuộc địa phận Cao Lao Hạ hiện nay. Và về mặt ngôn ngữ, liệu những dị thường, khác biệt trong hệ thống thanh điệu Cao Lao Hạ như đã phân tích trên, có phải là dấu tích của “yếu

tổ Khu Túc” (= Lâm Ấp = Chăm) vẫn được lưu giữ trong “lời ăn tiếng nói” hàng ngày của người dân hiện đang sinh sống ở vùng này ?

3) Nếu giả thuyết trên là đúng, thì trong những cứ liệu ngôn ngữ, cứ liệu về quá trình hình thành và phát triển thanh điệu là dấu tích chứng minh rõ nhất cơ tầng Chăm trong ngôn ngữ của người Cao Lao Hạ. Trong khi đó, những dấu tích về từ vựng dường như mờ nhạt hơn. Như vậy, có thể nêu một nhận xét về phương pháp nghiên cứu. Đối với các ngôn ngữ như tiếng Việt, tiếng Chăm, cũng như các ngôn ngữ khác ở Việt Nam, vốn có quá trình biến đổi lịch sử lâu dài và phức tạp, các quan hệ cội nguồn và tiếp xúc chông chéo, đan xen, dẫn đến kết quả là trong các ngôn ngữ này, thường có một vốn từ không thuần nhất, hệ hình thái học không phát triển, để xác định quan hệ nguồn gốc cũng như tiếp xúc ngôn ngữ giữa chúng, thì việc tìm hiểu các quá trình biến đổi lịch sử, những cách tân (Innovation) trong hệ thống ngữ âm ở mỗi ngôn ngữ có vai trò quan trọng hơn so với việc so sánh từ vựng hay xác định những biến đổi trong hệ hình thái.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Amon Thavisak. (2001), *The effects of glottal final on pitch in Southeast Asian languages*, Mon – Khmer Studies, Volume 31, page 57-65.
- [2]. Đào Duy Anh (1955), *Cổ sử Việt Nam*, Hà Nội.
- [3]. Aymonier, R. Cabaton, A. (1906), *Dictionnaire Căm – Français*, Paris.
- [4]. Blood, D. L. (1967), *Phonological units in Cham*, Anthropological Linguistics, Vol. 9.
- [5]. Cadier, L. (1902), *Phonetique annamite (dialect du Haut – Annam)* EFEO, Vol. III. Paris, Ernest Leroux.
- [6]. Blood, David L. (1967), *Phonological units in Cham*, AL 908 : 15.32.
- [7]. Nguyễn Tài Cẩn (1995), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Hoàng Thị Châu (2004), *Phương ngữ học tiếng Việt*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [9]. Ngô Văn Doanh (2003), *Thành Khu Túc và những dấu tích ở Cao Lao Hạ*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Số 2, tr.14-17.
- [10]. Diffloth Gerard. (1989), *Proto – Austroasiatic Creaky voice*, Mon – Khmer Studies 15, 139-154.

- [11]. Egerod, S. (1971), *Phonation types in Chinese and South East Asian languages*, ALH XIII, 2 : 159-171.
- [12]. Edmondson Jerold A. and Gregerson Kenneth J., *Western Cham as a register language*, *Tonality in Austronesian Languages*, University of Hawaii press, 61-74.
- [13]. Friberg, T. and Hor. (1997), *Register in Western Cham phonology*, In David Thomas, Ernest W. Lee and Nguyen Dang Liem eds., PSEAL 4 :17-38.
- [14]. Ferlus M. (1991), *Le dialect vietnamien de Vinh*. 24th International Conference on Sino – Tibetan Languages and Linguistics Bangkok Oct. 7-9.
- [15]. Ferlus M. (1995), *Particularités du dialect vietnamien de Cao Lao Hạ (Quảng Bình, Vietnam)*, Dixièmes Journées de Linguistique D'Asie Oriental.
- [16]. Ferlus M., *Les disharmonies tonales en viet – muong et leurs implications historiques*.
- [17]. Phu Van Han, Edmondson J. and K. Gregerson. (1997), *Eastern Cham as a tone language*, MKS 20 :31-43.
- [18]. Phú Văn Hãn, (2003), *Cơ cấu ngữ âm và chữ viết tiếng Chăm Việt nam và tiếng Malayu Malaysia*, Luận văn tiến sĩ ngữ văn.
- [19]. Haudricourt, A.G. (1954), *De l'origine des tons en vietnamien*, JA 242 :69-82.
- [20]. Henderson, E.J.A. (1982), *Tonogenesis : recent speculation*, TPS 1-24.
- [21]. Higham Charles (1989), *The dynastic history of Linyi. in the Archaeology of Mainland Southeast Asia*, Cambridge University Press.
- [22]. Ivanov Vyachislav Vs. (1979), *Về chức năng của âm tắc thanh môn. Cơ cấu âm thanh của ngôn ngữ*, Nhà xuất bản Khoa học, Moscova, 115-129. (Tiếng Nga)
- [23]. Ivanov Vyachislav Vs. (1987), *Relation between segmental phonemes and tones in diachrony*, Proceedings of XI International Congress of Phonetic Sciences, Aug. 1-17.
- [24]. Ladefoged P., Maddieson Ian, Jackson. M. (1988), *Investigating phonation types in Different Languages*, *Vocal Physiology : Production, Mechanisms and functions*. ed. by Osamu Fujimura. New York.
- [25]. Ladefoged P., Maddieson I. (1997), *The Sounds of the Worlds Languages*, Blacwell.
- [26]. Nguyễn Văn Lợi (1988), *Sự hình thành đối lập đường nét thanh điệu trong các ngôn ngữ Việt Mường : trên cú liệu tiếng Arem và Ruc*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 2, tr.3-8.

- [27]. Nguyễn Văn Lợi (1991), *Về quá trình hình thành sự đối lập âm vực thanh điệu trong các ngôn ngữ Việt Mường*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 1, tr.49-59.
- [28]. Nguyễn Văn Lợi (2004), *Đặc điểm ngữ âm – âm vị học của phụ âm tắc hữu thanh thờ trong các ngôn ngữ ở Việt nam và Đông Nam Á (Trên bình diện đồng đại và lịch đại)*, Những vấn đề ngôn ngữ học, NXB KHXH, tr. 472-488.
- [29]. Matisoff, James A. (1973), *Tonogenesis in SEA*, In Larry M. Hyman ed., *Consonant Types and Tones*. Los Angeles :UCLA.
- [30]. Moussay, G. Bô Nại Thành. (1971), *Dictionnaire Cam-Vietnamien-Francais*. Trung tâm văn hoá Chăm, Phan Rang.
- [31]. Bùi Khánh Thế (chủ biên) (1995), *Từ điển Chăm Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [32]. Therapan L, Thongkum (1993), *The interaction between pitch and phonation type in Mon : phonetic implications for a theory of tonogenesis*, MKS 16-17 :12-14.
- [33]. Võ Xuân Trang (1997), *Phương ngữ Bình Trị Thiên*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [34]. Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn (1960), *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [35]. Thurgood Graham (1999), *From Ancient Cham to modern dialects : Two thousand yeas of language contact and change*, University of Hawaii press.